

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc thực hiện chính sách trợ giúp đối với
đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng của huyện Cầu Kè

Căn cứ Điều 48 của Luật Thanh tra;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 11/BC-ĐTTr ngày 15/5/2020 của Trưởng Đoàn thanh tra (theo Quyết định số 236/QĐ-SLĐTBXH ngày 13/02/2020 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thanh tra việc thực hiện chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng của huyện Cầu Kè và Quyết định số 677/QĐ-SLĐTBXH ngày 14/4/2020 của Giám đốc Sở về việc gia hạn thời gian thanh tra) và ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra,

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

PHẦN I
KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm tình hình:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cầu Kè là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về: Việc làm; dạy nghề; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cầu Kè hiện có 07 công chức, trong đó có 02 lãnh đạo cấp phòng và 05 công chức chuyên môn; trên địa bàn huyện có 11/11 xã, thị trấn có bố trí công chức phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội.

2. Công tác quản lý đối tượng bảo trợ xã hội:

Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội của huyện Cầu Kè đến ngày 10/02/2020 là 4.207 người. Trong đó:

- Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cả cha và mẹ: 14 người.
- Người từ 16 - 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất mồ côi cả cha và mẹ: 06 người.
- Người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động: 03 người.

- Người đơn thân nuôi con dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo: 09 người.
- Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng: 51 người, trong đó có 12 người từ đủ 80 tuổi trở lên.
- Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, BHXH, trợ cấp xã hội hàng tháng: 2.157 người.
- Người khuyết tật: 1.650 người (trong đó khuyết tật đặc biệt nặng 301 người).
- Hộ gia đình nhận kinh phí chăm sóc tại cộng đồng: 317 người. Trong đó:
 - + Người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: 301 người.
 - + Người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mồ côi dưới 16 tuổi: 14 người.
 - + Người khuyết tật nặng đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi: 02 người.
- Số đối tượng BTXH tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 là 1.377 người. Trong đó:
 - + Trẻ em dưới 4 tuổi có cha và mẹ đang chấp hành hình phạt tù: 01 em.
 - + Trẻ em từ 4 đến dưới 16 tuổi mồ côi cả cha và mẹ: 05 em.
 - + Người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động: 02 người.
 - + Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng: 13 người.
 - + Người từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng: 725 người.
 - + Người khuyết tật 460 người, trong đó: Người khuyết tật đặc biệt nặng 86 người, người khuyết tật nặng 374 người.
 - + Người đơn thân nuôi con dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo: 05 người.
 - + Hộ gia đình trực tiếp chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng và trẻ em mồ côi: 166 người.
- Số đối tượng bảo trợ xã hội giảm từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 là 835 người. Trong đó: 728 đối tượng từ trần; 107 đối tượng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp (05 đối tượng chuyển trợ cấp về địa phương khác, 21 đối tượng hết tuổi hưởng trợ cấp, 09 đối tượng thoát nghèo, 03 đối tượng khuyết tật nhẹ, 01 đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng gửi chăm sóc tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, 64 đối tượng chăm sóc người khuyết tật thoát chính sách do người khuyết tật từ trần, 04 đối tượng không còn chăm sóc trẻ mồ côi).

PHẦN II

KẾT QUẢ THANH TRA

1. Về thẩm định, lưu trữ hồ sơ của phòng Lao động - TBXH:

- Thành phần hồ sơ của đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo đầy đủ, đúng quy định, bản khai của đối tượng ghi thông tin đầy đủ theo mẫu hướng dẫn, tuy nhiên có một số bản khai của đối tượng chưa ghi ngày tháng sinh. Việc thẩm định hồ sơ để trình UBND huyện ra quyết định cho đối tượng hưởng trợ cấp xã hội đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ, tuy nhiên việc thẩm định hồ sơ để trình UBND huyện ra quyết định cho đối tượng hưởng trợ cấp đôi lúc chưa kịp thời, chưa đúng quy định khi đối tượng có thay đổi về điều kiện hưởng trợ cấp.

- Việc lưu trữ hồ sơ ngăn nắp, khoa học, dễ tìm kiếm, từng hồ sơ đối tượng có túi đựng riêng và được lưu trữ theo từng năm và theo từng nhóm đối tượng nên rất dễ cho việc kiểm tra, đối chiếu, di chuyển và điều chỉnh trợ cấp cho đối tượng.

2. Kết quả kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế tại 11 xã, thị trấn:

Qua kiểm tra hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/2/2020 và đi kiểm tra thực tế tại 11 xã, thị trấn trên địa bàn huyện, kết quả như sau:

2.1. Xã Phong Thạnh:

Qua kiểm tra 131 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của xã, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 01 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng quy định, cụ thể:

Trường hợp: Bà Dương Thị Đua, sinh ngày 01/01/1959, ấp Cây Gòn, xã Phong Thạnh đang hưởng người khuyết tật nặng, mức 405.000đ/tháng điều chỉnh sang người khuyết tật nặng là người cao tuổi, mức 540.000đ/tháng từ ngày 01/8/2019 là chưa đúng quy định (thời điểm điều chỉnh hưởng đúng là 01/01/2019).

2.2. Xã Phong Phú:

Qua kiểm tra 132 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của xã, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 07 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng quy định, cụ thể:

T T	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	QĐ điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng
1	Thạch Thân	01/01/1958	ấp Kinh Xáng	KTN	01/8/2019	01/01/2018
2	Thạch Nền	01/01/1959	ấp Kinh Xáng	KTN	01/8/2019	01/01/2019
3	Huỳnh Văn Tư	01/01/1959	ấp Kinh Sáng	KTN	01/8/2019	01/01/2019
4	Thạch Niêm	01/01/1959	ấp Đồng Khoen	KTN	01/8/2019	01/01/2019

5	Thạch Chương	01/01/1957	ấp Kinh Sáng	KTN	01/8/2019	01/01/2017
6	Thạch Thị Sa Oanh	01/01/1939	ấp Kinh Xáng	NCT CĐ	01/8/2019	01/01/2019

- Trường hợp: Em Sơn Thị Sô Phi, sinh ngày 19/01/2003, ấp 3, xã Phong Phú đang hưởng người khuyết tật nặng là trẻ em, mức 540.000đ/tháng điều chỉnh sang người khuyết tật nặng, mức 405.000đ/tháng từ ngày 01/8/2019 là chưa đúng quy định (vì em Sơn Thị Sô Phi hết tuổi trẻ em từ tháng 02/2019).

2.3. Xã Châu Điền:

Qua kiểm tra 128 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của xã, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 06 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng quy định, cụ thể:

T T	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	QĐ điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng
1	Thạch Thị Pêch	01/01/1959	ấp Rùm Sóc	KTN	01/4/2019	01/01/2019
2	Quách Thị Kim Huy	01/01/1959	ấp Ô Tung A	KTN	01/4/2019	01/01/2019
3	Thạch Chinh	01/01/1957	ấp Ô Tung B	KTN	01/3/2018	01/01/2017
4	Thạch Phết	01/01/1957	ấp Ô Tung B	KTN	01/3/2018	01/01/2017

- Trường hợp: Em Thạch Phi Sóch, sinh ngày 01/3/2001, ấp Ô Rôm, xã Châu Điền đang hưởng người khuyết tật nặng là trẻ em, mức 540.000đ/tháng điều chỉnh sang người khuyết tật nặng, mức 405.000đ/tháng từ ngày 01/3/2018 là chưa đúng quy định (vì em Thạch Phi Sóch hết tuổi trẻ em từ tháng 4/2017).

- Trường hợp: Em Thạch Thị Sô Thia, sinh ngày 04/4/2003, ấp Châu Hưng, xã Châu Điền đang hưởng người khuyết tật nặng là trẻ em, mức 540.000đ/tháng điều chỉnh sang người khuyết tật nặng, mức 405.000đ/tháng từ ngày 01/8/2019 là chưa đúng quy định (vì em Thạch Thị Sô Thia hết tuổi trẻ em từ tháng 5/2019).

2.4. Xã Thông Hòa:

Qua kiểm tra 177 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của xã, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 03 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng quy định, cụ thể:

T T	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	QĐ điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng
--------	--------	----------	---------	-----------	-----------------------------	---------------------------

1	Nguyễn Thị Hè	01/01/1959	ấp Kinh Xuôi	KTN	01/5/2019	01/01/2019
2	Nguyễn Văn Đức	01/01/1959	ấp Kinh Xuôi	KTN	01/5/2019	01/01/2019
3	Mai Thị Vệ	01/01/1959	ấp Kinh Xuôi	KTN	01/5/2019	01/01/2019

2.5. Thị trấn Cầu Kè:

Qua kiểm tra 42 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của thị trấn, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 05 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng quy định, cụ thể:

T T	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	QĐ điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng
1	Võ Thị Bé	01/01/1939	Khóm 3	NCTCĐ	01/8/2019	01/01/2019
2	Trương Văn Huân	01/01/1957	Khóm 4	KTN	01/2/2018	01/01/2017

- Trường hợp: Em Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 02/02/2003, khóm 3, thị trấn Cầu Kè hưởng người khuyết tật nặng là trẻ em, mức 540.000đ/tháng điều chỉnh sang người khuyết tật nặng, mức 405.000đ/tháng từ 01/8/2019 là chưa đúng quy định (vì em Nguyễn Nhật Anh hết tuổi trẻ em từ tháng 3/2019).

- Trường hợp: Em Huỳnh Quang Ngọc, sinh ngày 01/5/2000, khóm 1, thị trấn Cầu Kè hưởng người khuyết tật nặng là trẻ em, mức 540.000đ/tháng điều chỉnh sang người khuyết tật nặng, mức 405.000đ/tháng từ 01/2/2018 là chưa đúng quy định (vì em Huỳnh Quang Ngọc hết tuổi trẻ em từ tháng 6/2016).

- Trường hợp: Em Lê Minh Giác, sinh ngày 03/5/2001, khóm 1, thị trấn Cầu Kè, hưởng người khuyết tật nặng là trẻ em, mức 540.000đ/tháng điều chỉnh sang người khuyết tật nặng, mức 405.000đ/tháng từ 01/2/2018 là chưa đúng quy định (vì em Lê Minh Giác hết tuổi trẻ em từ tháng 6/2017).

2.6. Xã An Phú Tân:

Qua kiểm tra 177 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của xã, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 04 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng quy định, cụ thể:

T T	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	QĐ điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng
1	Huỳnh Thị Nga	01/01/1958	ấp Tân Qui I	KTN	01/01/2019	01/01/2018
2	Phạm Thị Thạch	01/01/1958	ấp Tân Qui I	KTN	01/01/2019	01/01/2018

3	Nguyễn Văn Triệu	01/01/1957	ấp Tân Qui I	KTN	01/02/2018	01/01/2017
4	Đặng Văn Lập	01/01/1956	ấp Hòa An	KTN	01/02/2018	01/01/2016

2.7. Xã Hòa Ân:

Qua kiểm tra 97 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của xã, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 08 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng quy định, cụ thể:

T T	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	QĐ điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng
1	Nguyễn Thị Sương	01/01/1939	ấp Trà Kháo	NCT CĐ	01/8/2019	01/01/2019
2	Thạch Thị Mơ Ni	01/01/1956	ấp Bà My	KTN	01/01/2019	01/01/2016
3	Trần Văn Nổi	01/01/1958	ấp Bà My	KTN	01/01/2019	01/01/2018
4	Thạch Song	01/01/1958	ấp Trà Kháo	KTN	01/01/2019	01/01/2018
5	Thạch Siêu	01/01/1956	ấp Bà My	KTN	01/02/2018	01/01/2016
6	Phạm Văn Phương	01/01/1957	ấp Giồng Dầu	KTN	01/02/2018	01/01/2017

- Trường hợp: Em Huỳnh Văn Được, sinh ngày 15/9/2001, ấp Giồng Dầu, xã Hòa Ân hưởng người khuyết tật nặng là trẻ em, mức 540.000đ/tháng điều chỉnh sang người khuyết tật nặng, mức 405.000đ/tháng từ 01/02/2018 là chưa đúng quy định (vì em Huỳnh Văn Được hết tuổi trẻ em từ tháng 10/2017).

- Trường hợp: Em Thạch Thị Tài, sinh ngày 06/3/2000, ấp Thông Thảo, xã Hòa Ân hưởng người khuyết tật nặng là trẻ em, mức 540.000đ/tháng điều chỉnh sang người khuyết tật nặng, mức 405.000đ/tháng từ 01/02/2018 là chưa đúng quy định (vì em Thạch Thị Tài hết tuổi trẻ em từ tháng 4/2016).

2.8. Xã Thạnh Phú:

Qua kiểm tra 94 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của xã, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 07 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng quy định, cụ thể:

T T	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	QĐ điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng
1	Tạ Kim Phước	01/01/1956	ấp 1	KTĐBN	01/10/2017	01/01/2016
2	Tô Thành Út	01/01/1956	ấp 4	KTĐBN	01/10/2017	01/01/2016

3	Võ Thị Năm	01/01/1957	ấp 1	KTN	01/2/2018	01/01/2017
4	Nguyễn Văn Bon	01/01/1957	ấp 1	KTN	01/2/2018	01/01/2017
5	Huỳnh Thị Há	01/01/1957	ấp 3	KTN	01/02/2018	01/01/2017
6	Lâm Thanh Tùng	01/01/1957	ấp 3	KTN	01/02/2018	01/01/2017
7	Lê Thị Bảy	04/01/1957	ấp 2	KTN	01/02/2018	01/01/2017

2.9. Xã Hòa Tân:

Qua kiểm tra 127 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của xã, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 18 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng quy định, cụ thể:

T T	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	QĐ điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng
1	Nguyễn Thị Ty	01/01/1937	ấp Chông Nô 3	NCTCĐ	01/4/2018	01/01/2017
2	Thạch Khương	01/01/1959	ấp Chông Nô 2	KTN	01/8/2019	01/01/2019
3	Thạch Thị Ton	10/6/1958	ấp Chông Nô1	KTN	01/01/2019	10/6/2018
4	Trần Thị Neo	01/01/1958	ấp An Bình	KTN	01/01/2019	01/01/2018
5	Thạch Thị Chân	01/01/1958	ấp Chông Nô 2	KTN	01/01/2019	01/01/2018
6	Kim Thị Sune	01/01/1958	ấp Chông Nô 2	KTN	01/01/2019	01/01/2018
7	Thạch Thị Dem	01/01/1958	ấp Chông Nô 3	KTN	01/01/2019	01/01/2018
8	Lâm Danh	01/01/1957	ấp Chông Nô1	KTN	01/02/2018	01/01/2017
9	Lê Văn Nhơn	01/01/1957	ấp Hội An	KTN	01/02/2018	01/01/2017
10	Võ Văn Tiến	06/9/1957	ấp Hội An	KTN	01/02/2018	06/9/2017
11	Nguyễn Văn Hón	01/01/1957	ấp Hội An	KTN	01/02/2018	01/01/2017
12	Thạch Thị Sô Phy	01/01/1956	ấp Chông Nô 2	KTN	01/02/2018	01/01/2016
13	Thạch Chĩa	01/01/1957	ấp Chông Nô 2	KTN	01/02/2018	01/01/2017
14	Nguyễn Văn Lụa	01/01/1957	ấp Chông	KTN	01/02/2018	01/01/2017

			Nô 3			
15	Thạch Thị Phân	01/01/1957	ấp Chông Nô 3	KTN	01/02/2018	01/01/2017
16	Trần Thị Na	01/01/1957	ấp An Bình	KTN	01/02/2018	01/01/2017
17	Thạch Thị Sao	01/01/1957	ấp Chông Nô 3	KTN	01/02/2018	01/01/2017

- Trường hợp: Em Trần Hồng Khanh, sinh ngày 01/01/2001, ấp Hội An, xã Hòa Tân đang hưởng người khuyết tật nặng là trẻ em, mức 540.000đ/tháng điều chỉnh sang người khuyết tật nặng, mức 405.000đ/tháng từ 01/02/2018 là chưa đúng quy định (vì em Trần Hồng Khanh hết tuổi trẻ em từ tháng 02/2017).

2.10. Xã Tam Ngãi:

Qua kiểm tra 173 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của xã, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 02 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng quy định, cụ thể:

T	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	QĐ điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng
1	Trần Văn Kiệt	01/01/1957	ấp Bà My	KTN	01/02/2018	01/01/2017
2	Phạm Thị Sậu	01/01/1956	ấp Ngãi Nhất	KTN	01/02/2018	01/01/2016

2.11. Xã Ninh Thới:

Qua kiểm tra 79 hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội tăng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/02/2020 của xã, nhận thấy hồ sơ đảm bảo đầy đủ thủ tục, lưu đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên qua kiểm tra có 05 trường hợp xác định thời điểm điều chỉnh chưa đúng và 01 trường hợp xác định thời điểm hưởng trợ cấp chưa đúng quy định, cụ thể:

T	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	QĐ điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng
1	Lê Minh Beo	01/01/1957	ấp Rạch Đùi	KTN	01/6/2017	01/01/2017
2	Nguyễn Văn Vinh	01/01/1958	ấp Xẻo Cạn	KTN	01/01/2019	01/01/2018
3	Trịnh Văn Mỹ	01/01/1958	ấp Rạch Đùi	KTN	01/01/2019	01/01/2018
4	Nguyễn Thị Đẹp	20/02/1957	ấp Bà Bảy	KTN	01/02/2018	01/3/2017
5	Nguyễn Văn Hải	20/02/1957	ấp Xẻo Cạn	KTN	01/02/2018	01/3/2017

- Trường hợp: Bà Đặng Thị Chân, sinh 01/01/1938, ấp Rạch Đùi, xã Ninh Thới là đối tượng người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp xã

hội hàng tháng hưởng mức 270.000đ/tháng từ ngày 01/01/2019 là chưa đúng quy định (thời điểm hưởng đúng ngày 01/01/2018).

PHẦN III KẾT LUẬN

Từ kết quả thanh tra nêu trên, đối chiếu với những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

1. Những mặt làm được:

- Trong thời gian qua, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cầu Kè đã thực hiện tốt công tác tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện tốt chính sách lao động, người có công và xã hội trên địa bàn, đặc biệt là chính sách trợ giúp cho đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện tốt các chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phối hợp tốt với các ban, ngành đoàn thể huyện và các xã, thị trấn thường xuyên tuyên truyền phổ biến từ trong nội bộ đến Nhân dân, nhất là những đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người cao tuổi, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/04/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội....

- Thực hiện Luật người cao tuổi, Luật người khuyết tật và Nghị định số 28, Nghị định số 136 của Chính phủ, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện đã hướng dẫn UBND xã thành lập Hội đồng xác định mức độ khuyết tật và Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội đảm bảo đúng thành phần theo quy định của Luật Người khuyết tật và Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội.

- Công chức lao động thương binh và xã hội các xã, thị trấn kiểm tra, rà soát lập thủ tục đề nghị phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình UBND huyện ban hành 317 Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc cho hộ gia đình nhận chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng; trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người khuyết tật nặng đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

- Công tác lưu trữ hồ sơ ngăn nắp, khoa học, dễ tìm kiếm, từng hồ sơ đối tượng có túi đựng riêng và được lưu trữ theo từng năm và theo từng nhóm đối tượng nên rất dễ cho việc kiểm tra, đối chiếu, di chuyển và điều chỉnh trợ cấp cho đối tượng.

- Công tác tiếp nhận, thẩm định, xét duyệt hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định đối với đối tượng BTXH cơ bản đúng quy định và đã giải quyết dứt điểm kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình nhận chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng và trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng.

2. Những mặt chưa làm được:

2.1. Xác định không đúng thời điểm điều chỉnh trợ cấp đối với 57 đối tượng người khuyết tật là người cao tuổi và người cao tuổi không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng theo quy định dẫn đến đối tượng hưởng thiếu số tiền 97.875.000 đồng (chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo).

2.2. Xác định không đúng thời điểm điều chỉnh trợ cấp đối với 09 đối tượng người khuyết tật là trẻ em sang nhóm người khuyết tật khi đối tượng đã hết điều kiện hưởng chế độ khuyết tật là trẻ em dẫn đến việc chi trả thừa cho 09 đối tượng với số tiền 12.285.000 đồng (chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo).

2.3. Xác định chưa đúng thời điểm hưởng trợ cấp đối với trường hợp của bà Đặng Thị Chân, sinh ngày 01/01/1938, ấp Rạch Đùi, xã Ninh Thới là đối tượng người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 8, Nghị định 136/2013/NĐ-CP dẫn đến việc bà Đặng Thị Chân hưởng thiếu số tiền 3.240.000 đồng.

2.4. Chưa thực hiện chi trả kinh phí cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng xác định mức độ khuyết tật và Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH và Điều 7 của Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

2.5. Công chức phụ trách tham mưu thực hiện chính sách bảo trợ xã hội của phòng Lao động - TBXH huyện đôi lúc chưa kịp thời kiểm tra, đôn đốc các xã trong việc lập hồ sơ, điều chỉnh chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội; việc thẩm định hồ sơ đề trình UBND huyện ra quyết định cho đối tượng hưởng trợ cấp đôi lúc chưa kịp thời, chưa đúng quy định.

2.6. Công chức phụ trách lao động - thương binh xã hội các xã, thị trấn chưa thường xuyên kiểm tra, rà soát đối tượng bảo trợ xã hội để kịp thời đề nghị điều chỉnh tăng, giảm trợ cấp khi đối tượng đã thay đổi về điều kiện hưởng dẫn đến chi trả trợ cấp chưa đúng quy định trong thời gian dài.

PHẦN IV KIẾN NGHỊ - XỬ LÝ

Qua kết quả thanh tra và kết luận nêu trên, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiến nghị như sau:

1. Đối với Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè:

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu thực hiện truy lĩnh trợ cấp đối với 57 trường hợp, với tổng số tiền 97.875.000 đồng và truy lĩnh cho bà Đặng Thị Chân số tiền 3.240.000 đồng nêu tại mục 2.1 và 2.3 phần III của Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp tổ chức thu hồi, nộp trả ngân sách nhà nước số tiền 12.285.000 đồng đối với 09 trường hợp đã chi trả quá số tiền quy định nêu tại mục 2.2 phần III của Kết luận thanh tra.

- Khẩn trương chỉ đạo thực hiện việc chi trả kinh phí cho Chủ tịch và thành viên HỖXĐMĐKT và HỖXDTGXH theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH và Điều 7 của Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC nêu tại mục 2.4 phần III của Kết luận thanh tra.

- Chấn chỉnh việc thẩm định hồ sơ và ban hành quyết định điều chỉnh trợ cấp chế độ bảo trợ xã hội không đúng thời điểm hưởng trợ cấp như kết quả thanh tra đã nêu và định kỳ hàng tháng chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tiến hành rà soát đối tượng để đảm bảo điều chỉnh kịp thời khi đối tượng thay đổi điều kiện hưởng trợ cấp.

- Chỉ đạo rút kinh nghiệm đối với Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, với vai trò là người đứng đầu trong việc tham mưu UBND huyện thực hiện chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên địa bàn huyện nhưng để xảy ra thiếu sót, hạn chế như đã nêu trên.

- Chỉ đạo rút kinh nghiệm đối với Chủ tịch Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội các xã, thị trấn do trong quá trình chỉ đạo rà soát, lập hồ sơ, xét duyệt hồ sơ trợ giúp xã hội trên địa bàn quản lý chưa kịp thời và để xảy ra các hạn chế, thiếu sót như đã nêu trên.

2. Đối với phòng Lao động - TBXH huyện Cầu Kè:

- Tiến hành khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót, đồng thời trong thời gian tới cần phải tổ chức thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giải quyết chính sách bảo trợ xã hội tại cộng đồng trên địa bàn huyện, cụ thể:

2.1. Tham mưu UBND huyện ra Quyết định truy lĩnh đối với 57 trường hợp, với tổng số tiền 97.875.000đồng do xác định không đúng thời điểm điều chỉnh trợ cấp đối với 57 đối tượng người khuyết tật là người cao tuổi và người cao tuổi không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2.2. Tham mưu UBND huyện ra Quyết định truy lĩnh cho bà Đặng Thị Chân, ấp Rạch Đùi, xã Ninh Thới, với số tiền 3.240.000đồng.

2.3. Tham mưu UBND huyện Quyết định thu hồi và phối hợp với UBND các xã tiến hành thu hồi, nộp trả ngân sách Nhà nước với số tiền 12.285.000đồng đối với 09 trường hợp đã chi trả quá số tiền quy định do chậm điều chỉnh chế độ người khuyết tật hết độ tuổi trẻ em theo quy định tại khoản 1, Điều 16, Nghị định 28/2012/NĐ-CP (chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).

- Đề nghị Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cầu Kè tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với phó Trưởng phòng Lao động - TBXH phụ trách công tác bảo trợ xã hội và công chức được giao nhiệm vụ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội và theo dõi việc chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội (giai đoạn từ tháng 01/2018 đến tháng 02/2020) do trong quá trình tham mưu cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện công tác bảo trợ xã hội chưa chặt chẽ, để xảy ra hạn chế, thiếu sót như đã nêu trên.

3. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Chỉ đạo công chức phụ trách công tác lao động - thương binh và xã hội khắc phục ngay các hạn chế, thiếu sót như đã nêu trên, định kỳ hàng tháng phải cập nhật, rà soát, nắm chắc đối tượng trên địa bàn để trình cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách bảo trợ xã hội cho đối tượng đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

- Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chỉ đạo rút kinh nghiệm đối với công chức phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội của xã, thị trấn (giai đoạn từ tháng 01/2018 đến tháng 02/2020) do trong quá trình tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội thực hiện công tác bảo trợ xã hội chưa kịp thời, chưa chặt chẽ, để xảy ra hạn chế, thiếu sót như đã nêu trên.

Trên đây là kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách trợ giúp với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng của huyện Cầu Kè. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè chỉ đạo tổ chức thực hiện các kiến nghị nêu tại phần IV của Kết luận thanh tra trong thời gian 40 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra; sau khi thực hiện báo cáo kết quả về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Thanh tra Sở) trước ngày 10/7/2020.//

Nơi nhận:

- TTr tỉnh (b/c);
- BGD Sở;
- UBND huyện Cầu Kè;
- Phòng LĐTBXH Cầu Kè;
- UBND các xã, thị trấn (nhờ Phòng LĐTBXH photô gửi);
- Lưu: VP, ĐTTr.



Nguyễn Văn Út

BẢNG PHỤ LỤC SỐ 01

Kèm theo Kết luận thanh tra số: 980 /KL-SLĐTBXH ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Giám đốc Sở Lao động - TB&XH.

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Quyết định điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng	Số tháng phải truy lãnh	Mức chênh lệch trợ cấp/tháng	Số tiền phải truy lãnh (đồng)	Ghi chú
I	Xã Phong Thạnh								
1	Dương Thị Đua	1/1/1959	ấp Cây Gòn	1/8/2019	1/1/2019	7	135.000	945.000	
II	Xã Phong Phú								
1	Thạch Thân	1/1/1958	ấp Kinh Xáng	1/8/2019	1/1/2018	19	135.000	2.565.000	
2	Thạch Nền	1/1/1959	ấp Kinh Xáng	1/8/2019	1/1/2019	7	135.000	945.000	
3	Huỳnh Văn Tư	1/1/1959	ấp Kinh Xáng	1/8/2019	1/1/2019	7	135.000	945.000	
4	Thạch Niêm	1/1/1959	ấp Đồng Khoen	1/8/2019	1/1/2019	7	135.000	945.000	
5	Thạch Chưone	1/1/1957	ấp Kinh Xáng	1/8/2019	1/1/2017	31	135.000	4.185.000	
6	Thạch Thị Sa Oanh	1/1/1939	ấp Kinh Xáng	1/8/2019	1/1/2019	7	135.000	945.000	
III	Xã Châu Điền								
1	Thạch Thị Pêch	1/1/1959	ấp Rùm Sóc	1/4/2019	1/1/2019	3	135.000	405.000	
2	Quách Thị Kim Huy	1/1/1959	ấp Ô Tung A	1/4/2019	1/1/2019	3	135.000	405.000	
3	Thạch Chinh	1/1/1957	ấp Ô Tung B	1/3/2018	1/1/2017	14	135.000	1.890.000	
4	Thạch Phết	1/1/1957	ấp Ô Tung B	1/3/2018	1/1/2017	14	135.000	1.890.000	

IV	Xã Thông Hòa							
1	Nguyễn Thị Hè	1/1/1959	ấp Kinh Xuôi	1/5/2019	1/1/2019	4	135.000	540.000
2	Nguyễn Văn Đức	1/1/1959	ấp Kinh Xuôi	1/5/2019	1/1/2019	4	135.000	540.000
3	Mai Thị Vệ	1/1/1959	ấp Kinh Xuôi	1/5/2019	1/1/2019	4	135.000	540.000
V	Thị trấn Cầu Kè							
1	Võ Thị Bé	1/1/1939	khóm 3	1/8/2019	1/1/2019	7	135.000	945.000
2	Trương Văn Huân	1/1/1957	khóm 4	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
VI	Xã An Phú Tân							
1	Huỳnh Thị Nga	1/1/1958	ấp Tân Qui I	1/1/2019	1/1/2018	12	135.000	1.620.000
2	Phạm Thị Thạch	1/1/1958	ấp Tân Qui I	1/1/2019	1/1/2018	12	135.000	1.620.000
3	Nguyễn Văn Triệu	1/1/1957	ấp Tân Qui I	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
4	Đặng Văn Lập	1/1/1956	ấp Hòa An	1/2/2018	1/1/2016	25	135.000	3.375.000
VII	Xã Hòa Ân							
1	Nguyễn Thị Sương	1/1/1939	ấp Trà Kháo	1/8/2019	1/1/2019	7	135.000	945.000
2	Thạch Thị Mơ Ni	1/1/1956	ấp Bà My	1/1/2019	1/1/2016	36	135.000	4.860.000
3	Trần Văn Nôi	1/1/1958	ấp Bà My	1/1/2019	1/1/2018	12	135.000	1.620.000
4	Thạch Song	1/1/1958	ấp Trà Kháo	1/1/2019	1/1/2018	12	135.000	1.620.000
5	Thạch Siêu	1/1/1956	ấp Bà My	1/2/2018	1/1/2016	25	135.000	3.375.000
6	Phạm Văn Phương	1/1/1957	ấp Giồng Dầu	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
VIII	Xã Thạnh Phú							
1	Tạ Kim Phước	1/1/1956	ấp 1	1/10/2017	1/1/2016	21	135.000	2.835.000
2	Tô Thành Út	1/1/1956	ấp 4	1/10/2017	1/1/2016	21	135.000	2.835.000
3	Võ Thị Năm	1/1/1957	ấp 1	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
4	Nguyễn Văn Bon	1/1/1957	ấp 1	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
5	Huỳnh Thị Há	1/1/1957	ấp 3	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
6	Lâm Thanh Tùng	1/1/1957	ấp 3	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
7	Lê Thị Bảy	4/1/1957	ấp 2	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
IX	Xã Hòa Tân							

1	Nguyễn Thị Ty	1/1/1937	ấp Chông Nô 3	1/4/2018	1/1/2017	15	135.000	2.025.000
2	Thạch Khương	1/1/1959	ấp Chông Nô 2	1/8/2019	1/1/2019	7	135.000	945.000
3	Thạch Thị Ton	10/6/1958	ấp Chông Nô 1	1/1/2019	10/6/2018	7	135.000	945.000
4	Trần Thị Neo	1/1/1958	ấp An Bình	1/1/2019	1/1/2018	12	135.000	1.620.000
5	Thạch Thị Chân	1/1/1958	ấp Chông Nô 2	1/1/2019	1/1/2018	12	135.000	1.620.000
6	Kim Thị Sune	1/1/1958	ấp Chông Nô 3	1/1/2019	1/1/2018	12	135.000	1.620.000
7	Thạch Thị Dem	1/1/1958	ấp Chông Nô 3	1/1/2019	1/1/2018	12	135.000	1.620.000
8	Lâm Danh	1/1/1957	ấp Chông Nô 1	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
9	Lê Văn Nhơn	1/1/1957	ấp Hội An	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
10	Võ Văn Tiên	6/9/1957	ấp Hội An	1/2/2018	6/9/2017	5	135.000	675.000
11	Nguyễn Văn Hón	1/1/1957	ấp Hội An	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
12	Thạch Thị Sô Phý	1/1/1956	ấp Chông Nô 2	1/2/2018	1/1/2016	25	135.000	3.375.000
13	Thạch Chĩa	1/1/1957	ấp Chông Nô 2	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
14	Nguyễn Văn Lụa	1/1/1957	ấp Chông Nô 3	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
15	Thạch Thị Phân	1/1/1957	ấp Chông Nô 3	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
16	Trần Thị Na	1/1/1957	ấp An Bình	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
17	Thạch Thị Sao	1/1/1957	ấp Chông Nô 3	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
X	Xã Tam Ngãi							
1	Trần Văn Kiệt	1/1/1957	ấp Bà My	1/2/2018	1/1/2017	13	135.000	1.755.000
2	Phạm Thị Sậu	1/1/1956	ấp Ngãi Nhất	1/2/2018	1/1/2016	25	135.000	3.375.000
XI	Xã Ninh Thới							
1	Lê Minh Beo	1/1/1957	ấp Rạch Đùi	1/6/2017	1/1/2017	5	135.000	675.000
2	Nguyễn Văn Vinh	1/1/1958	ấp Xẻo Cạn	1/1/2019	1/1/2018	12	135.000	1.620.000
3	Trịnh Văn Mỹ	1/1/1958	ấp Rạch Đùi	1/1/2019	1/1/2018	12	135.000	1.620.000
4	Nguyễn Thị Đẹp	20/02/1957	ấp Bà Bảy	1/2/2018	1/3/2017	11	135.000	1.485.000
5	Nguyễn Văn Hải	20/02/1957	ấp Xẻo Cạn	1/2/2018	1/3/2017	11	135.000	1.485.000
Tổng cộng số tiền phải truy lãnh <i>(Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)</i>								97.875.000

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG PHỤ LỤC SỐ 02

Kèm theo Kết luận thanh tra số: 980 /KL-SLĐTBXH ngày 29 tháng 5 năm 2020
của Giám đốc Sở Lao động - TB&XH.

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Quyết định điều chỉnh hưởng từ ngày	Thời điểm điều chỉnh đúng	Số tháng phải thu hồi	Mức chênh lệch trợ cấp/tháng	Số tiền phải thu hồi (đồng)	Ghi chú
1	Son Thị Sô Phi	19/01/2003	ấp 3, xã Phong Phú	1/8/2019	1/2/2019	6	135.000	810.000	
2	Thạch Phi Sóch	1/3/2001	ấp Ô Rôm, xã Châu Điền	1/3/2018	1/4/2017	11	135.000	1,485.000	
3	Thạch Thị Sô Thia	4/4/2003	ấp Châu Hưng, xã Châu Điền	1/8/2019	1/5/2019	3	135.000	405.000	
4	Nguyễn Nhật Anh	2/2/2003	khóm 3, thị trấn Cầu Kè	1/8/2019	1/3/2019	5	135.000	675.000	
5	Huỳnh Quang Ngọc	1/5/2000	khóm 1, thị trấn Cầu Kè	1/2/2018	1/6/2016	20	135.000	2,700.000	
6	Lê Minh Giác	3/5/2001	khóm 1, thị trấn Cầu Kè	1/2/2018	1/6/2017	8	135.000	1,080.000	

7	Huỳnh Văn Đước	15/9/2001	ấp Giồng Dầu, xã Hòa Ân	1/2/2018	1/10/2017	4	135.000	540.000	
8	Thạch Thị Tài	6/3/2000	ấp Thông Thảo, xã Hòa Ân	1/2/2018	1/4/2016	22	135.000	2,970.000	
9	Trần Hồng Khanh	1/1/2001	ấp Hội An, xã Hòa Tân	1/2/2018	1/2/2017	12	135.000	1,620.000	
Tổng cộng số tiền phải thu hồi <i>(Bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng)</i>								12,285.000	